

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 907/2025/DS-PT

Ngày: 24 - 12 - 2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm;

Ông Nguyễn Tuấn Anh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Ông Võ Trung Hiếu
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 761/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 169/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1437/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Đồng Thị D, sinh năm 1962 (có mặt);

1.2. Ông Mai Văn N, sinh năm 1961 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị Kim P, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Đặng Thị Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đồng Thị D và ông Mai Văn N cùng trình bày:*

Vợ chồng bà Đồng Thị D, ông Mai Văn N và bà Đặng Thị Kim P là hàng xóm với nhau. Từ năm 2023, bà P có hỏi vay của ông bà số tiền 45.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, sau khi vay bà P có trả lãi hàng tháng nhưng không đầy đủ, rồi bà P có mượn thêm tiền dần dần không trả vốn và lãi nổi. Đến ngày 23/4/2024 ông bà có gặp bà P đối chiếu nợ lại với nhau thì bà P thừa nhận còn nợ ông bà số tiền vay gốc là 90.000.000 đồng và hai bên làm giấy mượn tiền vào ngày 23/4/2024; giấy mượn tiền do bà D viết, ông N và bà P xem lại rồi tự ký tên vào. Theo Giấy mượn tiền thì bà P hẹn trả số nợ trên trong vòng 06 tháng, đồng thời thỏa thuận miệng với nhau là mỗi tháng bà P trả cho vợ chồng ông bà 2.700.000 đồng tiền lãi. Nhưng từ khi làm giấy mượn tiền đến nay, bà P không trả được tiền gốc, tiền lãi gì cả. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu bà P trả số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,67%/tháng tính từ ngày làm biên nhận 23/4/2024 đến ngày Tòa xét xử (tạm tính đến ngày làm đơn 12/5/2025 là 19.250.000 đồng). Yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn bà Đặng Thị Kim P trình bày:*

Bà có vay tiền của vợ chồng ông N, bà D khoảng từ năm 2019, vay làm 03 lần là 45.000.000 đồng với mức lãi suất do hai bên thỏa thuận 6%/tháng là 2.700.000 đồng/tháng tiền lãi; việc vay mượn tiền và trả lãi giữa hai bên không có làm giấy tờ gì. Sau khi vay bà có thực hiện trả lãi mặc dù không đầy đủ nhưng bà trả lãi đến tháng 4/2024 mới ngưng luôn đến nay. Bà khẳng định chỉ vay của ông N, bà D 45.000.000 đồng, chứ hoàn toàn không có vay số tiền 90.000.000 đồng. Với số nợ 45.000.000 đồng bà xin trả dần cho ông N, bà D mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết 45.000.000 đồng.

Đối với giấy mượn tiền ngày 23/4/2024 đúng là chữ ký và chữ viết tên là của bà đã ký và viết vào chỗ “bên mượn tiền”, nhưng bà hoàn toàn không có vay của ông N, bà D số tiền 90.000.000 đồng và bà cũng không biết vì sao bà đã viết và ký vào giấy mượn tiền này, vì thực tế bà không có vay của ông N, bà D số tiền trên. Bà xác định đây là chữ ký và chữ viết của bà, nên bà không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn bà Đồng Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về phần nợ gốc và thay đổi yêu cầu về tiền lãi, bà yêu cầu bà P trả cho vợ chồng bà số tiền nợ vay gốc 90.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định 0,83%/tháng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số:** 169/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn N và bà Đồng Thị D.

1. Buộc bà Đặng Thị Kim P có nghĩa vụ trả cho ông Mai Văn N và bà Đồng Thị D tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi 11.952.000 đồng, tổng cộng là 101.952.000 đồng (*một trăm lẻ một triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn đồng*). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông N, bà D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bà P phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, bị đơn Đặng Thị Kim P kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bà P chỉ đồng ý trả cho ông Mai Văn N và bà Đồng Thị D 45.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Kiểm sát viên nhận định: Bị đơn Đặng Thị Kim P kháng cáo nhưng không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Đặng Thị Kim P nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn N, bà Đồng Thị D và yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Đặng Thị Kim P:

Nguyên đơn ông Mai Văn N, bà Đồng Thị D khởi kiện yêu cầu chị Đặng Thị Kim P trả cho ông N, bà D số tiền nợ vay là 90.000.000 đồng theo “giấy mượn tiền” ngày 23/4/2024 và lãi xuất 0,83%/tháng từ ngày 23/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Chị P thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên trong biên nhận nợ ngày 23/4/2024 do ông N, bà D cung cấp là của chị tuy nhiên chị chỉ nợ ông N, bà D số tiền 45.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N và bà D, buộc chị P có nghĩa vụ trả cho ông N và bà D số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi 11.952.000 đồng, tổng cộng là 101.952.000 đồng. Chị P không đồng ý với bản án sơ thẩm nên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chị P chỉ đồng ý trả cho ông Mai Văn N và bà Đồng Thị D 45.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Kim P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Mai Văn N, bà Đồng Thị D khởi kiện yêu cầu chị Đặng Thị Kim P trả cho ông N, bà D số tiền nợ vay là 90.000.000 đồng theo “giấy mượn tiền” ngày 23/4/2024 và lãi xuất 0,83%/tháng từ ngày 23/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Chị P đã thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên trong biên nhận nợ ngày 23/4/2024 do ông N, bà D cung cấp là của chị nên có đủ căn cứ xác định chị P còn nợ ông N, bà D số tiền 90.000.000 đồng theo “giấy mượn tiền” ngày 23/4/2024. Đồng thời, chị P thừa nhận từ tháng 4 năm 2024 đến ngày xét xử sơ thẩm chưa trả lãi cho ông N, bà D nên việc ông N, bà D yêu cầu tính lãi xuất 0,83%/tháng từ ngày 23/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông N, bà D là có căn cứ.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, chị P cho rằng chị chỉ nợ ông N, bà D số tiền 45.000.000 đồng nhưng chị P không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Chị P kháng cáo xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng ông N, bà D không đồng ý nên cũng không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Chị Đặng Thị Kim P kháng cáo nhưng không cung cấp, bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại Điều 148

Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Kim P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 169/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 92, Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn N và bà Đồng Thị D.

Buộc chị Đặng Thị Kim P có nghĩa vụ trả cho ông Mai Văn N và bà Đồng Thị D tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi 11.952.000 đồng, tổng cộng là 101.952.000 đồng (một trăm lẻ một triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn đồng), thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông N, bà D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị P phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Kim P phải chịu 5.097.600 đồng (năm triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đặng Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002673 ngày 22/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị P đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND KV 2 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 2 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Phong